

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2/2018

THÁNG 07/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		229,311,132,685	251,911,650,638
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		131,370,953,213	88,053,184,238
1. Tiền	111	V.01	7,370,953,213	32,079,680,796
2. Các khoản tương đương tiền			124,000,000,000	55,973,503,442
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	16,000,000,000	111,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16,000,000,000	111,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81,420,684,302	45,845,013,362
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	79,390,306,921	43,006,895,280
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1,490,144,700	303,150,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	985,410,383	2,980,145,784
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(445,177,702)	(445,177,702)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		519,495,170	7,013,453,038
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	329,642,234	7,013,453,038
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		189,852,936	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07		
B – TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		357,028,985,388	362,256,420,115
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		51,494,642,188	51,494,642,188
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		51,358,319,188	51,358,319,188
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		136,323,000	136,323,000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		284,269,079,200	301,381,038,040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	220,865,209,638	237,144,844,440
- Nguyên giá	222		486,850,260,736	486,850,260,736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(265,985,051,098)	(249,705,416,296)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	63,403,869,562	64,236,193,600
- Nguyên giá	228		79,512,404,441	79,512,404,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16,108,534,879)	(15,276,210,841)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		21,258,600,000	9,258,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		19,000,000,000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	7,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,664,000	122,139,887
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6,664,000	122,139,887
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		586,340,118,073	614,168,070,753
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		20,462,421,072	24,066,398,408
I. Nợ ngắn hạn	310		20,462,421,072	24,066,398,408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1,830,784,743	4,316,774,239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	401,151,350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10,757,100,101	9,661,567,199
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1,809,550,240	2,055,613,363
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2,755,520,996	2,496,777,265

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3,309,464,992	5,134,514,992
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		565,877,697,001	590,101,672,345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	565,877,697,001	590,101,672,345
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		88,911,874,275	88,911,874,275
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76,842,374,726	101,066,350,070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		31,396,001,788	34,252,418,787
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45,446,372,938	66,813,931,283
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		586,340,118,073	614,168,070,753

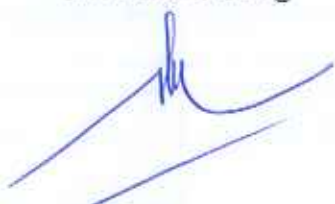
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
---------	-------	-------------	------------	-----------

Tp.HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn

Lâm Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/04/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2018		Luỹ kế	
			Năm 2018		Năm 2017	
			I	2	3	4
A	B	C				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	49,128,607,449	72,614,418,848	97,578,898,735	140,175,399,983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		49,128,607,449	72,614,418,848	97,578,898,735	140,175,399,983
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	18,787,063,408	46,209,001,508	37,658,962,596	86,727,816,667
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		30,341,544,041	26,405,417,340	59,919,936,139	53,447,583,316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,708,434,735	1,297,513,715	3,623,807,741	3,057,228,314
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	322,633,488	-	1,765,849,023
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	313,126,088	-	1,754,091,146
8. Chi phí bán hàng	24		163,636,364		163,636,364	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,433,754,137	5,201,149,286	6,521,873,452	8,697,491,423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		28,452,588,275	22,179,148,281	56,858,234,064	46,041,471,184
11. Thu nhập khác	31		-	2,170,678,278	-	2,316,583,032
12. Chi phí khác	32		814,313	-	814,313	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(814,313)	2,170,678,278	(814,313)	2,316,583,032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28,451,773,962	24,349,826,559	56,857,419,751	48,358,054,216
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5,711,617,655	4,910,165,312	11,411,046,813	9,711,810,843
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22,740,156,307	19,439,661,247	45,446,372,938	38,646,243,373
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2018

Giám đốc



Lê Thanh Sơn

Lý Ngọc Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/06/2018	
			Năm 2018	Năm 2017
A	B	C	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		56,857,419,751	48,358,054,216
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		17,111,958,840	24,893,539,945
- Các khoản dự phòng	3			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	4			9,507,400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3,623,807,741)	(5,155,275,734)
- Chi phí lãi vay	6			1,754,091,146
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		70,345,570,850	69,859,916,973
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(38,047,201,653)	(18,702,068,548)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		(7,048,304,315)	(93,122,844,460)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6,799,286,691	3,099,210,487
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			(1,754,091,146)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6,340,174,634)	(8,891,446,092)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3,495,398,282)	(4,593,497,237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22,213,778,657	(54,104,820,023)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(121,200,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			53,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		95,000,000,000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		5,905,485,518	3,051,100,814
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		88,905,485,518	2,983,173,541
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/06/2018	
			Năm 2018	Năm 2017
A	B	C	3	4
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.Tiền thu từ đi vay	33			
4.Tiền trả nợ gốc vay	34			(66,473,796,000)
5.Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(67,801,495,200)	43,423,872,085
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(67,801,495,200)</i>	<i>(23,049,923,915)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 50)	50		43,317,768,975	(74,171,570,397)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		88,053,184,238	200,688,173,203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(9,507,400)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		131,370,953,213	126,507,095,406

Người lập biểu

Kế toán

Tp.HCM, ngày 16 tháng 07 năm 2018

Giám đốc

Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn



Lâm Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty con trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 06 tháng 2 năm 2018, Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái đã trở thành Công ty con của Công ty theo giấy chứng nhận góp vốn số 602/GCNGV-CIL.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại số 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54.29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 49 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư và kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 12	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	3
Tài sản cố định khác	3	

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	47.493.197	76.724.701
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.323.460.016	32.002.956.095
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	124.000.000.000	55.973.503.442
Cộng	131.370.953.213	88.053.184.238

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	16.000.000.000	16.000.000.000	111.000.000.000	111.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>19.000.000.000</i>		<i>7.000.000.000</i>	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	19.000.000.000		7.000.000.000	
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>2.258.600.000</i>		<i>2.258.600.000</i>	
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	2.258.600.000		2.258.600.000	
Cộng	21.258.600.000		9.258.600.000	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313341745 thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái (CIL) là 7.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Đến ngày 06 tháng 2 năm 2018, Công ty CIL đã trở thành Công ty con của Công ty CIJL theo giấy chứng nhận góp vốn số 602/GCNGV-CIL với số tiền 19.000.000.000 VNĐ chiếm 54,29% tổng vốn điều lệ của Công ty CIL.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán tài sản cố định (xe dầu kéo, romooc) cho Công ty con	-	70.033.919.893
Bán vật tư, lốp xe, thiết bị theo xe cho Công ty con	-	6.458.827.510
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	-	11.870.042.765
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty con	-	40.074.147.640
Nhận cổ tức của Công ty con	560.000.000	560.000.000
Nhận chiết khấu thanh toán từ Công ty con	-	660.000.000

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>78.212.973.069</i>	<i>38.171.323.272</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	60.687.751.644	8.412.464.247
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	17.525.221.425	29.758.859.025
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.177.333.852</i>	<i>4.835.572.008</i>
Các khách hàng khác	1.177.333.852	4.835.572.008
Cộng	79.390.306.921	43.006.895.280

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>51.358.319.188</i>	<i>51.358.319.188</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	51.358.319.188	51.358.319.188

Theo Hợp đồng 3112.01/HĐ-CLL và Hợp đồng 3112.02/HĐ-CLL ngày 31/12/2017, Công ty bán tài sản cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái với tổng số tiền là 55.858.319.188 VND. Số tiền phải thanh toán trong năm 2018 là 4.500.000.000 VND, số còn lại thanh toán đều hàng năm, từ năm 2019 đến năm 2023, với tổng số tiền là 51.358.319.188 VND với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	-	128.700.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh niên Xung phong	-	98.550.000
Công ty TNHH Xây dựng điện Xuân Bách	-	75.900.000
Công ty TNHH Đông Nam Tyres	1.490.144.700	-
Cộng	1.490.144.700	303.150.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>27.660.000</i>	<i>-</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Các khoản chi hộ				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Các khoản chi hộ		-	27.660.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	985.410.383		2.952.485.784	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	239.036.112		2.386.447.222	
Ký cược, ký quỹ	525.250.000		210.000.000	
Tạm ứng	165.000.000		80.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	56.124.271		276.038.562	
Cộng	985.410.383		2.980.145.784	

5h. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	136.323.000		136.323.000	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Từ 2 năm đến 3 năm	536.549.860	160.964.958	536.549.860	160.964.958
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	Từ 1 năm đến 2 năm	49.186.500	24.593.250	49.186.500	24.593.250
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	Trên 3 năm	44.999.550		44.999.550	
Cộng		630.735.910	185.558.208	630.735.910	185.558.208

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	445.177.702	445.177.702
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	445.177.702	445.177.702

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	82.336.893	793.508.957
Chi phí bảo hiểm phương tiện	126.054.510	50.234.081
Chi phí kiểm định cầu tàu	84.855.000	169.710.000
Chi phí thuê cầu RTG	-	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khác	36.395.831	-
Cộng	329.642.234	7.013.453.038
7b. Chi phí trả trước dài hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thay thế đệm va cầu tàu	-	109.763.887
Chi phí công cụ dụng cụ		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.664.000	12.376.000
Cộng	6.664.000	122.139.887

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	167.039.578.765	318.888.281.426	867.000.000	55.400.545		486.850.260.736
Mua trong năm						
Phân loại lại tài sản cố định						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	167.039.578.765	318.888.281.426	867.000.000	55.400.545		486.850.260.736
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.792.306.735	6.953.812.021		55.400.545		46.801.519.301
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	81.853.320.286	167.030.845.465	765.850.000	55.400.545		249.705.416.296
Khấu hao trong năm	2.613.912.246	13.579.022.556	86.700.000			16.279.634.802
Phân loại lại tài sản cố định						
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối năm	84.467.232.532	180.609.868.021	852.550.000	55.400.545		265.985.051.098
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	85.186.258.479	151.857.435.961	101.150.000			237.144.844.440
Số cuối năm	82.572.346.233	138.278.413.405	14.450.000			220.865.209.638
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	79.232.404.441	280.000.000	79.512.404.441
Mua trong năm		-	-
Giảm trong năm			
Số cuối năm	79.232.404.441	280.000.000	79.512.404.441

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	15.186.210.845	89.999.996	15.276.210.841
Khấu hao trong năm	792.324.042	39.999.996	832.324.038
Giảm trong năm			
Số cuối năm	15.978.534.887	129.999.992	16.108.534.879

Giá trị còn lại

Số đầu năm	65.630.841.680	73.333.333	65.704.175.013
Số cuối năm	63.253.869.554	150.000.008	63.403.869.562

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Dang chờ thanh lý

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	822.179.729	1.751.852.029
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	37.152.470	46.413.035
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	1.233.637.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	785.027.259	471.801.394
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	1.008.605.014	2.564.922.210
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	354.817.198	1.769.310.600
Các nhà cung cấp khác	653.787.816	795.611.610
Cộng	1.830.784.743	4.316.774.239

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại Á Châu Sài Gòn	-	281.410.850
Liên hiệp HTX Thương mại TP.Hồ Chí Minh	-	119.740.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	-		401.151.350	
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.701.660.524	8.568.058.518	(13.483.295.528)	3.786.423.514
Thuế thu nhập doanh nghiệp	636.856.588	11.411.046.813	(6.340.174.634)	5.707.728.767
Thuế thu nhập cá nhân	27.656.907	1.597.247.017	(361.956.104)	1.262.947.820
Thuế nhà đất	295.393.180	21.028.377	(506.274.493)	(189.852.936)
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	
Cộng	9.661.567.199	21.600.380.725	(20.694.700.759)	10.567.247.165

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.757.100.101	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(189.852.936)	-
Cộng	10.567.247.165	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.857.419.751	48.358.054.216
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	197.814.313	201.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	197.814.313	201.000.000
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	<i>197.000.000</i>	<i>201.000.000</i>
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>814.313</i>	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu năm 2016 đã thực hiện trong năm 2017</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu năm 2015 đã thực hiện trong năm 2016</i>		-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu cuối năm 2016</i>		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập tính thuế	57.055.234,064	48.559.054,216
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.411.046.813	9.711.810.843
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.411.046.813	9.711.810.843

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	3.825.900	36.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu hộ BHXH, BHYT & BHTN	3.825.900	36.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái - Tiền chi hộ		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.751.695.096	2.460.777.265
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT & BHTN	103.267.221	41.056.936
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	589.750.000	387.850.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.058.677.875	1.860.173.075
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	171.697.254
Cộng	2.755.520.996	2.496.777.265

13b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	-	-

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)</i>		22.852.056.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú		15.652.056.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh		7.200.000.000
Cộng		22.852.056.000

Trong năm Công ty đã tất toán các khoản vay này theo Nghị quyết HĐQT số 56/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2017 (xem thuyết minh V.16).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	22.852.056.000
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		
Số tiền vay đã trả	-	(22.852.056.000)
Số cuối năm		

14b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh		
Cộng		

Trong năm Công ty đã tất toán các khoản vay này theo Nghị quyết HĐQT số 56/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2017 (xem thuyết minh V.16).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm		43.621.740.000
Số tiền vay phát sinh		
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn		(43.621.740.000)
Số cuối năm		

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.332.428.603	-	(1.003.000.000)	1.329.428.603
Quỹ phúc lợi	2.797.226.508	-	(822.050.000)	1.975.176.508
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.881	-	-	4.859.881
Cộng	5.134.514.992	-	(1.825.050.000)	3.309.464.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	340.000.000.000	60.123.448.000	64.185.151.590	111.816.311.642	576.124.911.232
Lợi nhuận năm trước				83.517.414.104	83.517.414.104
Trích lập các quỹ trong năm trước			12.199.110.569	(16.274.221.138)	(4.075.110.569)
Chia cổ tức trong năm trước			12.527.612.116	(16.703.482.821)	(4.175.870.705)
Chia cổ tức trong năm nay				(61.200.000.000)	(61.200.000.000)
Giảm khác				(89.671.717)	(89.671.717)
Số dư cuối năm trước	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	101.066.350.070	590.101.672.345
Số dư đầu năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	101.066.350.070	590.101.672.345
Lợi nhuận năm nay				45.446.372.938	45.446.372.938
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong năm				(69.670.348.282)	(69.670.348.282)
Số dư cuối năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	76.842.374.726	565.877.697.001

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	<i>87.161.700.000</i>	<i>87.161.700.000</i>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong</i>	<i>74.987.500.000</i>	<i>74.987.500.000</i>
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	400.123.448.000	400.123.448.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	70.625.000.000	70.625.000.000
Doanh thu bốc xếp, nâng hạ	19.258.250.000	19.219.178.000
Doanh thu tiền điện tại cảng	4.314.371.962	4.036.429.111
Doanh thu dịch vụ kho bãi	3.381.276.773	46.294.792.872
Cộng	<u>97.578.898.735</u>	<u>140.175.399.983</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>37.658.962.596</u>	<u>86.727.816.667</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.753.664.320	3.006.603.285
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	310.143.421	44.497.529
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	6.127.500
Cộng	<u>3.623.807.741</u>	<u>3.057.228.314</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay		1.754.091.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		9.507.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		2.250.477
Cộng		<u>1.765.849.023</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.397.399.177	5.451.410.348
Chi phí vật liệu quản lý	28.758.228	285.146.657
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.799.245	104.089.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.699.996	106.700.000
Thuế, phí và lệ phí	5.300.300	9.801.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.467.014	890.025.455
Các chi phí khác	930.449.492	1.474.212.528
Cộng	<u>6.521.873.452</u>	<u>8.697.491.423</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán lớp xe vận tải cũ		2.170.678.278

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường tổn thất tàu Tân Cảng A2		145.904.754
Cộng		2.316.583.032
7. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-
8. Lãi trên cổ phiếu		
8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.446.372.938	38.646.243.373
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.446.372.938	38.646.243.373
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.337	1.137
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.000.000	34.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000

Người lập biểu

Lý Ngọc Tuyên

Kế toán trưởng

Lê Thanh Sơn

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2018

Giám đốc



Lâm Văn Tuấn